

Số: 43 /2025/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viễn thông số 42/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 giữa Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2013 giữa Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông”;

Căn cứ Thông tư 07/2024/TT-BTTTT ngày 02/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá, phương pháp định giá thuê sử dụng mạng cáp trong tòa nhà, giá thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông, tổ chức, cá nhân sở hữu công trình viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 41/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 140/TTr-SKHCCN ngày 05 tháng 12 năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định Quy định quản lý cấp viển thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý cấp viển thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2026. Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về quy định quản lý cấp viển thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

Thaiidh/QĐ39

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Loan

QUY ĐỊNH

Quản lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, kỹ thuật, kế hoạch, sắp xếp, chỉnh trang, hạ ngầm và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong quản lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan nhà nước gồm: Các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- Cáp viễn thông: Là tên gọi chung chỉ cáp quang, cáp đồng, cáp đồng trục (cáp truyền hình) được dùng để truyền thông tin trong mạng viễn thông thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Cáp thuê bao: Là đoạn cáp viễn thông từ hộp cáp, tủ cáp, hố cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình đến thiết bị đầu cuối đặt trong nhà thuê bao.
- Cáp treo: Là cáp viễn thông để lắp đặt trên hệ thống đường cột và các cấu trúc đỡ khác.
- Cáp ngầm: Là cáp viễn thông được chế tạo để chôn trực tiếp trong đất hoặc đi trong hạ tầng kỹ thuật ngầm.
- Cáp phối: Là cáp viễn thông nối giữa các tủ cáp hoặc cáp nối từ tủ cáp tới các hộp cáp. Cáp phối còn gọi là cáp ngọn hay cáp thứ cấp.
- Cáp chính: Là đoạn cáp viễn thông từ giá đầu dây (MDF/DDF) tới tủ cáp, hộp cáp, măng sông rẽ nhánh đầu tiên. Cáp chính còn gọi là cáp gốc, cáp sơ cấp.
- Cơ sở hạ tầng viễn thông: Là tập hợp mạng viễn thông và công trình viễn thông.

8. Công trình cáp viễn thông: Là các công trình sử dụng cáp viễn thông (*cáp đồng, cáp quang...*) đi treo, đi ngầm (*chôn trực tiếp hoặc đi trong hạ tầng kỹ thuật ngầm*).

9. Hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông: Bao gồm cột treo cáp và hạ tầng kỹ thuật ngầm.

10. Hạ tầng kỹ thuật ngầm (*bao gồm cống cáp, bể cáp, hào và tuy nèn kỹ thuật*): Là công trình hạ tầng kỹ thuật được xây dựng ngầm dưới mặt đất để lắp đặt cáp.

11. Măng sông cáp: Là phụ kiện dùng để nối liền cáp, bảo đảm kín nước. Măng sông cáp có nhiều hình dạng khác nhau, có hai hoặc nhiều đầu nối.

12. Tủ cáp: Một kết cấu dạng khung hộp bằng kim loại hoặc nhựa polyme kín, chống được nước mưa, là nơi kết nối giữa cáp chính và cáp phối hoặc cáp phối cáp 1 và cáp phối cáp 2 hoặc kết nối dây thuê bao giữa tủ cáp và nhà thuê bao.

13. Hộp cáp: Kết cấu dạng hộp, nhỏ bằng kim loại hoặc polyme kín, chống được nước mưa, trong đó có các phiến nối dây với tổng dung lượng từ 10 đôi đến 50 đôi, dùng để nối cáp phối với cáp thuê bao. Hộp cáp được treo trên cột hoặc gắn trên tường.

14. Cột treo cáp: Cột bằng thép, bê tông cốt thép hoặc vật liệu khác dùng để treo cáp viễn thông. Cột treo cáp có thể là cột treo cáp viễn thông riêng biệt hoặc cột của các ngành khác như điện lực,...

15. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung: Là các công trình xây dựng để bố trí, lắp đặt đường dây, cáp và đường ống bao gồm: Cột ăng ten; cột treo cáp; cống cáp; hào và tuy nèn kỹ thuật; đường đô thị; đường hầm bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý cáp viễn thông

1. Việc quản lý cáp viễn thông phải phù hợp với quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, quy hoạch xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đúng với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị.

2. Ưu tiên và tạo điều kiện trong việc dùng chung cáp viễn thông, hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông, đặc biệt là hạ tầng kỹ thuật đi ngầm cáp viễn thông.

3. Khuyến khích các tổ chức khai thác dịch vụ dùng chung cáp viễn thông. Từng bước xây dựng lộ trình ngầm hóa cáp viễn thông tại các khu vực đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu di tích lịch sử nhằm bảo vệ cảnh quan môi trường và mỹ quan đô thị.

4. Khi phát triển mạng lưới viễn thông tại các tuyến đường mới trong khu đô thị, khu dân cư mới phải thực hiện xây dựng ngầm 100% mạng cáp, tuân thủ nguyên tắc an toàn và đảm bảo mỹ quan đô thị.

5. Cáp viễn thông, thiết bị và các bộ phận hạ tầng kỹ thuật nếu hư hỏng, không còn sử dụng phải được tháo dỡ, thu hồi; cáp viễn thông phải được sắp xếp, bó gọn, chỉnh trang và hạ ngầm theo quy định.

6. Cáp viễn thông phải có dấu hiệu nhận biết theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quản lý cáp viễn thông

1. Sở Khoa học và Công nghệ quản lý cáp viễn thông tại các quốc lộ, tỉnh lộ.
2. Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý cáp viễn thông tại các khu vực còn lại thuộc địa bàn quản lý.

Chương II

KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH CÁP VIỄN THÔNG

Điều 6. Điều kiện lắp đặt đối với cáp treo

1. Cáp viễn thông treo phải thỏa mãn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông QCVN 33:2019/BTTTT (*sau đây gọi tắt là Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT*) ban hành kèm theo Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Cáp viễn thông không được kéo treo trong các trường hợp sau:

- a) Treo mới cáp viễn thông những tuyến đã quy hoạch ngầm hóa.
- b) Dung lượng cáp viễn thông hiện có của tổ chức sở hữu trên các tuyến đường vẫn còn đáp ứng khả năng phát triển dịch vụ hoặc nhu cầu sử dụng. Tổng số lượng cáp một tổ chức treo trên một tuyến vượt quá 04 sợi cáp.
- c) Vượt đường giao thông có độ rộng lớn hơn 70m và các đường trọng điểm theo quy định.
- d) Chưa có thỏa thuận dùng chung với tổ chức quản lý, sở hữu cột treo cáp hoặc cột treo cáp không đảm bảo điều kiện cơ lý để treo thêm cáp.

đ) Các đoạn hoặc tuyến đường có khoảng cách giữa các cột treo cáp lớn hơn 70m. Trong trường hợp sử dụng chung với hệ thống cột điện lực, khoảng cách giữa các cột treo cáp tùy thuộc vào kết quả tính toán tải trọng, cơ lý của đường dây. Yêu cầu về cột treo cáp dưới đường dây điện lực phải đảm bảo các quy định theo Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện (QCVN 25:2025/BCT) ban hành kèm theo Thông tư số 41/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

e) Treo cáp tại các tuyến đường mới tại các khu dân cư, đô thị.

Điều 7. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp trong cống bê, cáp chôn trực tiếp và cáp trong đường hầm

1. Cáp viễn thông trong cống bê, cáp chôn trực tiếp và cáp trong đường hầm phải được lắp đặt tuân thủ yêu cầu kỹ thuật được quy định tại Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT .

2. Không đi cáp viễn thông ngầm trong lòng mương, cống thoát nước. Trong quá trình thi công, không làm ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng và cây xanh hiện có.

3. Không đi chung ống cáp viễn thông với cáp điện lực hoặc các loại cáp mang điện khác.

4. Không lắp đặt cáp viễn thông trong hào cáp khi chưa có thỏa thuận dùng chung hạ tầng kỹ thuật với tổ chức quản lý, sở hữu hào cáp.

Điều 8. Yêu cầu kỹ thuật đối với tủ cáp, hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu

1. Tủ cáp, hộp cáp phải được lắp đặt đúng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông (Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT) ban hành kèm theo Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Không lắp đặt tủ cáp, hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu,... viễn thông tại các vị trí cột điện có thiết bị đóng cắt, điều khiển (Recloser, LBS), tại các cột điện lắp đặt trạm biến áp, dao cách ly hoặc có thang trèo, sàn thao tác. Việc lắp đặt tủ cáp và hộp nối cáp viễn thông trên các cột điện khác phải bảo đảm an toàn, thuận tiện cho công tác vận hành lưới điện và bảo đảm mỹ quan đô thị.

Điều 9. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp thuê bao

1. Cáp thuê bao (*treo hoặc ngầm*) phải được lắp đặt đúng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn QCVN 33: 2019/BTTTT.

2. Cáp thuê bao nổi phải kéo thẳng, bó gọn với độ cao như cáp chính. Độ dài cáp thuê bao phải đảm bảo kỹ thuật lắp đặt theo Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT và phải được ngầm hóa đồng bộ khi khu vực có hạ tầng kỹ thuật ngầm.

3. Trên cùng một tuyến, mỗi tổ chức đi không quá 05 cáp thuê bao, trường hợp nhiều hơn 05 cáp thuê bao phải thay bằng cáp có dung lượng lớn hơn.

Chương III

KẾ HOẠCH LẮP ĐẶT CÁP VIỄN THÔNG

Điều 10. Xây dựng kế hoạch lắp đặt cáp viễn thông

1. Các tổ chức, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm xây dựng kế hoạch lắp đặt cáp ngoại vi viễn thông hàng quý gửi Sở Khoa học và Công nghệ để quản lý, theo dõi.

2. Thời gian gửi kế hoạch lắp đặt cáp ngoại vi viễn thông trước ngày 15 của tháng liền kề trước quý.

3. Nội dung kế hoạch bao gồm: Tên tuyến cáp, loại cáp, điểm đầu, điểm cuối, dự kiến thời gian lắp đặt.

4. Trước khi lắp đặt cáp ngoại vi viễn thông 07 (bảy) ngày làm việc, tổ chức, doanh nghiệp viễn thông gửi thông báo về bản vẽ thiết kế tổng thể và chi tiết về tuyến cáp viễn thông đến Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các xã, phường nơi tuyến cáp đi qua để theo dõi và quản lý.

Điều 11. Kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông

1. Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông tại các quốc lộ, tỉnh lộ.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông tại các khu vực còn lại thuộc địa bàn quản lý.

Chương IV

SẮP XẾP, CHỈNH TRANG VÀ HẠ NGÀM CÁP VIỄN THÔNG

Điều 12. Nội dung sắp xếp, chỉnh trang, ngầm hóa cáp viễn thông treo hiện có

1. Thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông phải tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

2. Tổ chức sở hữu cáp viễn thông rà soát, thống kê cáp hiện có.

3. Thay thế nhiều cáp thuê bao bằng cáp có dung lượng lớn.

4. Gia cố, chỉnh sửa, thay thế cột, tủ cáp, hộp cáp kém chất lượng hoặc không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ quan đô thị.

5. Kéo căng, bó gọn cáp viễn thông treo.

6. Treo thẻ sở hữu cáp và thẻ báo độ cao cáp.

7. Từng bước ngầm hóa cáp viễn thông treo hiện có.

Điều 13. Triển khai sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông treo hiện có

1. Việc sắp xếp, chỉnh trang, làm gọn hệ thống cáp viễn thông thực hiện đúng theo Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

2. Căn cứ theo Kế hoạch chỉnh trang sắp xếp cáp viễn thông do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, các tổ chức sở hữu cột treo cáp và tổ chức sở hữu cáp viễn thông có trách nhiệm tổ chức triển khai theo Kế hoạch.

3. Cáp viễn thông và các thành phần liên quan công trình cáp viễn thông không sử dụng, không xác định được tổ chức sở hữu, xây dựng sai quy định hoặc không được triển khai sắp xếp, chỉnh trang và hạ ngầm đúng thời gian sẽ bị thu hồi và xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Điều 14. Triển khai hạ ngầm cáp viễn thông hiện có

1. Các tổ chức quản lý, sở hữu cột treo cáp và tổ chức sở hữu cáp viễn thông rà soát, xây dựng phương án hạ ngầm cáp viễn thông treo (*cả cáp thuê bao*) và trình các cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì lựa chọn phương án hạ ngầm cáp viễn thông cho từng tuyến đường, lấy ý kiến của Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các xã, phường về xây dựng hạ tầng kỹ thuật đi ngầm để hạ ngầm cáp viễn thông hiện có.

3. Sau 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày hạ tầng kỹ thuật đi ngầm hoàn thành, tất cả cáp viễn thông phải được ngầm hóa.

Điều 15. Quy định quản lý cáp viễn thông sau khi chỉnh trang, sắp xếp, làm gọn cáp viễn thông treo

1. Tổ chức quản lý, sở hữu cột treo cáp trên các tuyến đường đã được thực hiện chỉnh trang, làm gọn hệ thống cáp viễn thông treo có trách nhiệm:

a) Thường xuyên kiểm tra, rà soát các tổ chức treo cáp không đúng quy định trên các tuyến đường đã thực hiện chỉnh trang, làm gọn hệ thống cáp viễn thông treo.

b) Chủ động thông báo và phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các xã, phường xử lý các tổ chức treo cáp vi phạm quy chuẩn kỹ thuật.

2. Đối với các trường hợp treo cáp viễn thông ngoài bó cáp hoặc ngoài vòng treo trên các tuyến đường đã thực hiện chỉnh trang, làm gọn, Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm thông báo và yêu cầu tổ chức sở hữu cáp viễn thông và tổ chức liên quan cắt bỏ, tiêu hủy số cáp nói trên; tổ chức sở hữu cáp viễn thông chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu hồi cáp đã bị cắt bỏ và khắc phục hệ thống thông tin liên lạc của tổ chức mình.

Điều 16. Xử lý công trình cáp viễn thông hư hỏng

1. Khi cáp viễn thông đứt hoặc tử cáp, hộp cáp, công, bẻ, cột bị hư hỏng, tổ chức sở hữu phải có mặt kịp thời để xử lý tạm thời nhằm đảm bảo an toàn giao thông và thông tin liên lạc.

2. Khi cáp viễn thông treo qua đường bị đứt, hoặc gãy cột, tổ chức sở hữu cáp, cột có trách nhiệm trồng cột mới (*nếu cột bị gãy*) hoặc kéo dây gia cường để treo tạm không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường. Trong vòng 2 (hai) ngày, khi có sự cố, tổ chức sở hữu cáp phối hợp với tổ chức quản lý cột có phương án và triển khai chỉnh trang gọn cáp viễn thông.

3. Đối với các trường hợp di dời công trình dùng chung cáp viễn thông (cột công bẻ), tổ chức sở hữu công trình dùng chung cáp viễn thông có trách nhiệm thông báo đến các tổ chức sử dụng chung trước thời gian di dời ít nhất 07 (*bảy*) ngày. Tổ chức sở hữu công trình dùng chung có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức liên quan để xử lý cáp viễn thông trong trường hợp tổ chức sử dụng chung không phối hợp di dời đồng bộ.

4. Các tổ chức quản lý, sở hữu cột treo cáp và các tổ chức sử dụng cột treo cáp phải thiết lập đường dây nóng (số điện thoại liên hệ), thường trực 24/24h và báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các xã, phường. Khi có sự cố cũng như các tình huống khẩn cấp, các bên phải phối hợp khắc phục, bảo đảm an toàn, mỹ quan đô thị, vệ sinh môi trường.

Chương V

TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Hằng năm (trước ngày 15/11) xây dựng kế hoạch sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hoá cáp viễn thông, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện quy định này nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo quy định.

3. Thông báo yêu cầu đơn vị, doanh nghiệp viễn thông sở hữu cáp viễn thông đi nổi, các đơn vị có liên quan tổ chức cắt bỏ, thu hồi cáp treo ngoài khuôn khổ cáp hoặc ngoài dây treo cáp trên các tuyến đường, tuyến phố đã thực hiện chỉnh trang, làm gọn; đơn vị sở hữu cáp viễn thông đi nổi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu hồi cáp đã bị cắt bỏ và khắc phục hệ thống thông tin liên lạc của tổ chức, đơn vị mình.

Điều 18. Sở Xây dựng

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc rà soát, đối chiếu với quy hoạch phát triển giao thông đường bộ; đồng thời phối hợp triển khai sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông đang treo hiện có, tạo điều kiện tốt nhất để kịp thời ngầm hóa các đoạn cáp viễn thông gây mất an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.

2. Quản lý quy hoạch và quản lý xây dựng các khu công nghiệp, các khu đô thị, khu dân cư, khu thương mại đảm bảo các yêu cầu quy hoạch về hạ tầng kỹ thuật viễn thông theo quy định. Khi quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp, các khu đô thị, khu dân cư, khu thương mại phải kèm theo quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông như: Đường công, bể, hào, hầm, tuy nèn kỹ thuật, cột treo cáp.

3. Thực hiện quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong đó có cáp viễn thông theo quy định về quản lý sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật.

4. Chỉ đạo các tổ chức quản lý đô thị (*chiếu sáng*) cùng với các tổ chức thuê hạ tầng treo cáp triển khai sắp xếp, chỉnh trang các tuyến cáp viễn thông treo hiện có trên hệ thống cột điện chiếu sáng đúng các yêu cầu kỹ thuật. Cắt tỉa cành cây xanh để phục vụ việc sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông đang treo hiện có.

Điều 19. Sở Công Thương

Tổ chức công tác kiểm tra và xử phạt các hành vi vi phạm đối với hạ tầng cáp viễn thông vi phạm hành lang an toàn lưới điện trên địa bàn tỉnh.

Điều 20. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất kinh phí của các đơn vị triển khai thực hiện nội dung liên quan đến quản lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Sở Tài chính phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị, địa phương có liên quan nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành và theo quy định của Pháp luật.

Điều 21. Ủy ban nhân dân xã, phường

1. Chủ trì và phối hợp kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông trên địa bàn theo phân cấp.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng kiểm tra xử lý các trường hợp cáp viễn thông gây mất an toàn, mỹ quan đô thị; xử phạt đối với các hành vi vi phạm đối với việc lắp đặt cáp viễn thông vi phạm các quy định trên địa bàn.

3. Hằng năm có kế hoạch tỉa cành cây xanh trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý để phòng chống, khắc phục thiên tai và phục vụ việc sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông đang treo hiện có.

4. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng đề xuất các tuyến đường thuộc quyền quản lý cần chỉnh trang hằng năm.

Điều 22. Các tổ chức quản lý hệ thống cột để lắp đặt cáp viễn thông

1. Quản lý, bảo trì hệ thống cột, có kế hoạch duy tu hệ thống cột, cải tạo và lắp đặt xà đỡ để đỡ các cáp viễn thông đang treo; thống kê các cột không đảm bảo an toàn và thông báo cho các tổ chức sở hữu cáp viễn thông treo phối hợp xử lý, có biện pháp di chuyển, bổ sung cột cho phù hợp và đảm bảo an toàn. Thay thế cột cũ không đủ khả năng chịu lực, không đảm bảo mỹ quan.

2. Có trách nhiệm lập hồ sơ quản lý các tuyến cột điện có treo cáp viễn thông gồm các nội dung: Tổ chức thuê cột; chủng loại và số lượng từng loại cáp treo trên cột; điểm đầu - điểm cuối của tuyến đường đã thỏa thuận; số và ngày ký hợp đồng thuê cột.

3. Phối hợp với tổ chức có cáp viễn thông đang treo trên cột để cải tạo, sắp xếp các cáp viễn thông theo kế hoạch.

4. Tổ chức kiểm tra, phát hiện sự cố cột, các tình huống khẩn cấp, có biện pháp khắc phục đảm bảo an toàn.

5. Thông báo, phối hợp với các tổ chức liên quan tháo dỡ cáp viễn thông không xác định tổ chức sở hữu hoặc treo không đúng quy định trên cột treo cáp.

6. Thỏa thuận việc sử dụng cột đối với các tổ chức quản lý cáp viễn thông treo trên cột theo hợp đồng.

Điều 23. Các tổ chức sở hữu cáp viễn thông

1. Đầu tư, lắp đặt, quản lý, khai thác cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh theo Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Triển khai sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa các tuyến cáp viễn thông đúng Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Hằng năm xây dựng dự toán kinh phí phục vụ cho việc chỉnh trang cáp viễn thông (bao gồm bổ sung gông, khuyên treo cáp tại các tuyến cột trên các tuyến đường chính có từ hai sợi cáp viễn thông do cùng một đơn vị quản lý), thu hồi cáp treo bị hỏng, cáp treo không sử dụng, cáp treo không đúng quy định.

4. Phối hợp đơn vị quản lý cột điện lực để lập và chấp thuận hồ sơ treo cáp; trong đó có tính toán cơ lý, tải trọng để đảm bảo mỹ quan đô thị và an toàn vận hành lưới điện khi cải tạo sửa chữa, kéo mới tuyến cáp trên hệ thống cột điện lực.

Điều 24. Các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ quản lý cáp viễn thông có trách nhiệm triển khai thực hiện quy định này.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm triển khai, thực hiện nghiêm quy định này, định kỳ hoặc theo yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo theo quy định.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc phát sinh, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Quy định cho phù hợp./.